

Số: **44** /2021/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày **10** tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Đặt tên đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn thành phố Lai Châu
và thị trấn các huyện: Tân Uyên, Sìn Hồ, Mường Tè**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của
Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình
công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của
Bộ Trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và
công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11
tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 1866/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về đặt tên đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn thành
phố Lai Châu và thị trấn các huyện: Tân Uyên, Sìn Hồ, Mường Tè; Báo cáo
thẩm tra số 417/BC-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã
hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đặt tên đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn thành phố
Lai Châu và thị trấn các huyện: Tân Uyên, Sìn Hồ, Mường Tè. Cụ thể như sau:

1. Đặt tên 32 phố, điều chỉnh kéo dài 01 đường và 01 phố trên địa bàn
thành phố Lai Châu (Chi tiết tại phụ biểu số 01 kèm theo).

2. Đặt tên 15 đường, 13 phố và 01 công trình công cộng trên địa bàn thị
trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên (Chi tiết tại phụ biểu số 02 kèm theo).


3. Đặt tên 03 đường, 11 phố và 01 công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ (Chi tiết tại phụ biểu số 03 kèm theo).

4. Đặt tên 10 đường, 15 phố trên địa bàn thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè (Chi tiết tại phụ biểu số 04 kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 10 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2021./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Chu Lê Chinh

PHỤ BIỂU 01

Đặt tên đường, phố trên địa bàn thành phố Lai Châu
 Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu



STT	Tên đường, phố	Giới hạn (lý trình)		Quy mô, quy hoạch	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
I	Phường Tân Phong (đặt tên 08 phố)				
1	Phố Phan Đăng Lưu	Giao với phố Mường Kim	Giao với phố Hương Phong	133	13,5
2	Phố Đoàn Thị Điểm	Giao với phố Hồ Xuân Hương	Giao với phố Cao Bá Quát	95	9,5
3	Phố Lê Thanh Nghị	Giao với phố Lê Hồng Phong (Km 0 + 232)	Giao với phố Nguyễn Thị Minh Khai (Km 0 + 232)	100	13,5
4	Phố Nguyễn Duy Trinh	Giao với phố Lê Hồng Phong (Km 0 + 281)	Giao với phố Nguyễn Thị Minh Khai (Km 0 + 281)	100	13,5
5	Phố Lam Sơn	Giao với Đại lộ Lê Lợi	Giao với đường đi Nùng Nàng	125	20,5
6	Phố Nam Cao	Giao với phố Đoàn Thị Điểm	Giao với đường Trần Quốc Mạnh	120	13,5
7	Phố Nguyễn Văn Hiến	Giao với đường Trần Quốc Mạnh	Giao với phố Nguyễn Vũ Tráng	107	11,5
8	Phố Nguyễn Vũ Tráng	Giao với đường Trần Quốc Mạnh	Giao với phố Lê Lai	122	16,5
II	Phường Đông Phong (đặt tên 14 phố)				

STT	Tên đường, phố	Giới hạn (lý trình)		Quy mô, quy hoạch	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
1	Phố Nguyễn Văn Tố	Giao với đường 30/4 (Km 0 + 581)	Giao với đường Đặng Thai Mai. (Km 0 + 513)	110	11,5
2	Phố Hà Huy Tập	Giao với đường 30/4 (Km 0 + 545)	Giao với đường Đặng Thai Mai. (Km 0 + 465)	110	24
3	Phố Đoàn Trần Nghiệp	Giao với đường 30/4 (Km 0 + 155)	Giao với đường Đặng Thai Mai. (Km 0 + 117)	115	11,5
4	Phố Nguyễn Huy Tường	Giao với đường 30/4	Giao với phố Trần Bình Trọng.	147	11
5	Phố Lê Anh Xuân	Giao với đường Đặng Thai Mai	Giao với đường quy hoạch 2-6.	130	13,5
6	Phố Mạc Đình Chi	Giao với phố Nguyễn Văn Trỗi (Km 0 + 40)	Giao với phố Trần Bình Trọng. (Km 0 + 190)	110	9
7	Phố Trương Hán Siêu	Giao với phố Nguyễn Văn Trỗi (Km 0 + 76)	Giao với phố Trần Bình Trọng. (Km 0 + 226)	110	9
8	Phố Phùng Chí Kiên	Giao với đường Nguyễn Lương Bằng	Giao với đường Võ Văn Kiệt.	269	13,5
9	Phố Tôn Thất Bách	Giao với phố Lê Hữu Trác	Giao với phố Tôn Thất Tùng.	281	11,5



STT	Tên đường, phố	Giới hạn (lý trình)		Quy mô, quy hoạch	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
10	Phố Nguyễn Văn Ngọc	Giao với phố Nguyễn Đồng Chi (Km 0 + 40)	Giao với phố Hoàng Ngọc Phách . (Km 0 + 40)	69	9
11	Phố Lê Văn Lương	Giao với đường Trường Chinh	Giao với đường Nguyễn Hữu Thọ .	402	9
12	Phố Ngô Gia Tự	Giao với phố Nguyễn Đồng Chi (Km 0 + 118)	Giao với phố Hoàng Ngọc Phách . (Km 0 + 118)	65	9
13	Phố Nguyễn Văn Siêu	Giao với phố Nguyễn Huy Tưởng (Km 0 + 85)	Giao với đường Nguyễn Khuyến (Km 0 + 85) .	90	9
14	Phố Hàn Mặc Tử	Giao với phố Nguyễn Huy Tưởng (Km 0 + 125)	Giao với đường Nguyễn Khuyến . (Km 0 + 125)	90	11
III	Phường Đoàn Kết (đặt tên 10 phố)				
1	Phố Dương Quảng Hàm	Giao với đường Chu Văn An (Km 0 + 520)	Giao với đường Ngô Quyền . (Km 0 + 531)	100	13
2	Phố Nguyễn Bá Ngọc	Giao với đường Chu Văn An (Km 0 + 423)	Giao với đường Ngô Quyền . (Km 0 + 434)	100	13
3	Phố Lương Văn Can	Giao với đường Chu Văn An (Km 0 + 196)	Giao với đường Ngô Quyền . (Km 0 + 204)	100	13

STT	Tên đường, phố	Giới hạn (lý trình)		Quy mô, quy hoạch	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
4	Phố Đào Nhuận	Giao với phố Bạch Đằng	Giao với phố Dương Quảng Hàm .	98	13
5	Phố Nguyễn Cao	Giao với đường Trần Quang Diệu	Giao với đường Huỳnh Thúc Kháng .	250	13
6	Phố Nậm Na	Giao với phố Mường Than	Giao với đường quy hoạch N16 .	120	13,5
7	Phố Trần Cao Vân	Giao với đường Huỳnh Thúc Kháng	Giao với phố Phan Đình Phùng.	260	13
8	Phố Nguyễn Thiện Thuật	Giao với phố Chiêu Tấn	Giao với phố Trần Cao Vân .	224	13
9	Phố Lê Văn Thiêm	Giao với đường Chu Văn An	Giao với phố Nguyễn Thiện Thuật.	90	13
10	Phố Phan Đình Phùng	Giao với đường Huỳnh Thúc Kháng	Giao với phố Lê Văn Thiêm .	200	13
IV	Điều chỉnh kéo dài 01 đường và 01 phố				
1	Đường Phạm Văn Đồng kéo dài thêm 122 m	Điểm đầu (cũ) giao với Đại lộ Lê Lợi	Điểm cuối (phía kéo dài) giao với phố Phùng Chí Kiên	1.352	20,5
2	Phố Nguyễn Văn Trỗi kéo dài thêm 110 m	Điểm đầu (phía kéo dài) giao với đường Nguyễn Khuyến	Điểm cuối (cũ) giao với đường Phạm Ngọc Thạch	480	34

**PHỤ BIỂU 02**

Đặt tên đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **44** /2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên đường, phố, công trình công cộng	Giới hạn (lý trình)		Quy mô, quy hoạch	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
I	Đặt tên 15 đường				
1	Đường Lê Lợi	Nối tiếp Quốc lộ 32 (Giáp địa phận xã Thân Thuộc)	Nối tiếp Quốc lộ 32 (Giáp địa phận xã Phúc Khoa)	7.100	20,5
2	Đường Trần Phú	Giao với đường Lê Lợi (Công an huyện)	Giao với Phố Chu Văn An (Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú huyện)	1.420	13,5
3	Đường Lê Duẩn	Giao với đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyên)	Giao với đường tránh Quốc lộ 32 dự kiến	1.670	7
4	Đường Trường Chinh	Giao với đường Lê Lợi (Km 380 + 950 - Quốc lộ 32)	Giao với đường tránh Quốc lộ 32 dự kiến	1.430	12
5	Đường Phạm Văn Đồng	Giao với đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi tổ dân phố 7)	Giáp với đường Trường Chinh	1.090	10
6	Đường Trần Hưng Đạo	Giao với đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi tổ dân phố 26)	Giao với đường Tỉnh lộ 133	1.800	5

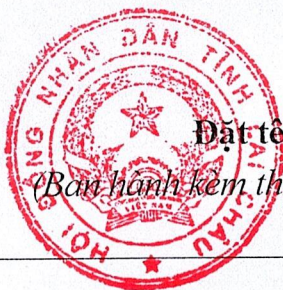
✍

STT	Tên đường, phố, công trình công cộng	Giới hạn (lý trình)		Quy mô, quy hoạch	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Giao với đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi tổ dân phố 15)	Giao với đường Lê Lợi (Km 382 + 590 - Quốc lộ 32)	1.650	13,5
8	Đường Nguyễn Trãi	Giao với đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi tổ dân phố 32)	Điểm ranh giới quy hoạch đô thị thị trấn Tân Uyên	714	12
9	Đường 7/3	Giao với đường Lê Lợi (Km 381+720 - Quốc lộ 32)	Giao với đường tránh Quốc lộ 32 dự kiến	1.450	12
10	Đường Nguyễn Văn Linh	Giao với đường Lê Lợi (Công sân vận động huyện)	Hết đường bê tông trực chính tổ dân phố 17	570	13,5
11	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Giao với đường Lê Lợi (Tổ dân phố 2 đường đi bản Nà Ban)	Giáp địa phận xã Thân Thuộc	540	8
12	Đường Lý Thường Kiệt	Giao với đường Lê Lợi (Km 382 + 940 - Quốc lộ 32)	Giao với đường tránh Quốc lộ 32 dự kiến	1.610	7
13	Đường Ngô Quyền	Giao với đường Lê Lợi (Km 383 + 740 - Quốc lộ 32)	Giao với đường tránh Quốc lộ 32 dự kiến	1.143	10
14	Đường Hoàng Liên Sơn	Giao với đường Lê Lợi (Km 387 + 00 - Quốc lộ 32)	Giáp địa phận bản Hô Be	500	7
15	Đường Lò Văn Hạc	Giao với đường Lê Lợi (Km 383 + 740 - Quốc lộ 32)	Ranh giới quy hoạch chung đô thị thị trấn Tân Uyên	305	10
II	Đặt tên 13 phố				

th

STT	Tên đường, phố, công trình công cộng	Giới hạn (lý trình)		Quy mô, quy hoạch	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
1	Phố Hồ Xuân Hương	Giao với đường Lê Lợi (Chi cục Thuế huyện)	Giao với đường Trần Phú - (Bảo hiểm Xã hội huyện)	400	12
2	Phố Lương Định Của	Giao với đường Trường Chinh	Giao với đường Lê Duẩn .	616	10
3	Phố Trần Quốc Mạnh	Giao với đường Lê Lợi (Km 381 + 530 - Quốc lộ 32)	Giao với đường Võ Nguyên Giáp .	196	20,5
4	Phố Nguyễn Tuân	Giao với đường Lê Lợi (Km 381 + 080 - Quốc lộ 32)	Giao với phố Hồ Xuân Hương . (Chi cục Thuế huyện)	540	13,5
5	Phố Chu Văn An	Giao với đường Lê Lợi (Km 380 + 890 - Quốc lộ 32)	Giao với phố Hồ Xuân Hương . (Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú huyện)	540	25
6	Phố Võ Thị Sáu	Giao với đường Lê Lợi (Km 381 + 970 - Quốc lộ 32)	Giao với đường Võ Nguyên Giáp .	220	13,5
7	Phố Nguyễn Viết Xuân	Giao với đường Lê Lợi (Km 381+ 990 - Quốc lộ 32)	Trạm Y tế thị trấn Tân Uyên .	353	12
8	Phố Xuân Diệu	Giao với phố Nguyễn Tuân (Kho bạc Nhà nước huyện)	Giao với phố Chu Văn An . (Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú huyện)	257	12

STT	Tên đường, phố, công trình công cộng	Giới hạn (lý trình)		Quy mô, quy hoạch	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
9	Phố Nguyễn Du	Giao với phố Nguyễn Tuân (Công ty cầu đường số 3)	Giao với phố Chu Văn An (Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú huyện).	296	12
10	Phố Lý Tự Trọng	Giao với đường Nguyễn Hữu Thọ	Giao với phố Nguyễn Viết Xuân .	221	12
11	Phố Vừ A Dính	Giao với phố Nguyễn Viết Xuân	Giao với phố Lý Tự Trọng .	274	12
12	Phố Đặng Thùy Trâm	Giao với đường Lê Lợi (Km 381 + 620 - Quốc lộ 32)	Giao với phố Phạm Ngọc Thạch . (Trung tâm Y tế huyện)	518	7
13	Phố Phạm Ngọc Thạch	Giao với đường Lê Lợi (Km 381 + 910 - Quốc lộ 32)	Giao với phố Đặng Thùy Trâm . (Trung tâm Y tế huyện)	470	20,5
III	Đặt tên 01 công trình công cộng				
<p>Quảng trường 1/1 : Khu trung tâm hành chính huyện Tân Uyên (thuộc tổ dân phố 26, thị trấn Tân Uyên), hướng Bắc giáp đường Trần Phú; hướng Nam giáp trụ sở HĐND-UBND huyện; hướng Đông, Tây giáp khu dân cư.</p>					



PHỤ BIỂU 03

Đặt tên đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **44** /2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên đường, phố, công trình công cộng	Giới hạn (lý trình)		Quy mô, quy hoạch	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
I	Đặt tên 03 đường				
1	Đường Võ Nguyên Giáp	(Vị trí ngã ba - đường vào xã Tả Phìn) (Km 59 + 100 - Tỉnh lộ 129)	Nhà Văn hóa khu I (Km 35 + 800 - Tỉnh lộ 128)	3.850	7,2
2	Đường Lê Lợi	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (Km 60 + 200 - Tỉnh lộ 129)	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (Km 36 + 300 - Tỉnh lộ 128)	2.100	10,5
3	Đường Trường Chinh	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (Km 59 + 900 - Tỉnh lộ 129)	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (Vị trí ngã ba - Cầu Suối 1)	1.600	10,6
II	Đặt tên 11 phố				
1	Phố Trần Hưng Đạo	Giao với đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế huyện)	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	180	5,5
2	Phố Chu Văn An	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Giao với đường Lê Lợi (Km 1 + 900 - đường B1)	630	10,5
3	Phố Vừ A Dính	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (Km 37 + 400 - Tỉnh lộ 128)	Giao với đường Trường Chinh (Km 0 + 900 - đường vành đai)	650	5,6
4	Phố Nguyễn Công Trứ	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (Km 60 + 780 - Tỉnh lộ 129)	Giao với đường Lê Lợi (Chợ mới thị trấn Sìn Hồ)	150	10,5

Handwritten mark

STT	Tên đường, phố, công trình công cộng	Giới hạn (lý trình)		Quy mô, quy hoạch	
		<i>Điểm đầu</i>	<i>Điểm cuối</i>	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
5	Phố Bế Văn Đàn	Giao với phố Trần Hưng Đạo (Ủy ban nhân dân huyện)	Đầu cầu Hoàng Hồ	600	4,9
6	Phố Kim Đồng	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (Km 37 + 300 - Tỉnh lộ 128)	Giao với phố Chu Văn An (Trường Trung học phổ thông Sìn Hồ).	220	6,2
7	Phố Nguyễn Viết Xuân	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (Trụ sở Huyện ủy)	Trụ sở Huyện đội .	230	4,5
8	Phố Quang Trung	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện Công an huyện)	Giao với đường Trường Chinh (Km 0 + 600 - đường vành đai) .	510	3,6
9	Phố Tôn Thất Tùng	Giao với đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế huyện)	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện Chợ cũ thị trấn Sìn Hồ) .	150	4,2
10	Phố Lạc Long Quân	Giao với đường Trường Chinh (Km 1 + 300- đường vành đai)	Giao với đường Lê Lợi (Km 1 + 700 - đường B1) .	750	3
11	Phố Âu Cơ	Giao với đường Trường Chinh (Km 1 + 312 - đường vành đai)	Giao với đường Lê Lợi (Km 1 + 712 - đường B1).	780	3
III	Đặt tên 01 công trình công cộng				
<p>Hồ Sìn Hồ: Hồ nằm ở thị trấn Sìn Hồ, hướng Bắc giáp nhà khách Huyện ủy; hướng Nam giáp phố Kim Đồng; hướng Tây giáp đường Võ Nguyên Giáp; hướng Đông giáp phố Chu Văn An.</p>					

PHỤ BIỂU 04

Đặt tên đường, phố trên địa bàn thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè


(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ~~44~~ /2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)



STT	Tên đường, phố,	Giới hạn (lý trình)		Quy mô, quy hoạch	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
I	Đặt tên 10 đường				
1	Đường Điện Biên Phủ	Thuộc đường Quốc lộ 4H (Km 284 + 200)	Thuộc đường Quốc lộ 4H (Km 279 + 00 - Dốc đỏ)	5.200	12
2	Đường Chu Văn An	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280 + 000 - Quốc lộ 4H)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280 + 800 - Quốc lộ 4H)	2.600	12
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Giao với đường Chu Văn An (Vị trí cây xăng số 6)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 283 + 700 - Quốc lộ 4H)	1.700	32
4	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280 + 200 - Quốc lộ 4H)	Giao với đường Chu Văn An (Vị trí cây xăng số 6)	800	32
5	Đường Nậm Bum	Giao với đường Chu Văn An (Trại tạm giam Công an huyện)	Đối nối với đường đi xã Vàng San (Điểm cuối Khu phố 11)	2.500	7
6	Đường Trần Đại Nghĩa	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 284 + 000 - Quốc lộ 4H)	Nhà Máy thủy điện Nậm Xi Lường	2.050	7
7	Đường Trần Phú	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280 + 000 - Quốc lộ 4H)	Trụ sở Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện	300	15

✍

STT	Tên đường, phố,	Giới hạn (lý trình)		Quy mô, quy hoạch	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
8	Đường Hồ Tùng Mậu	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 279 + 800 - Quốc lộ 4H)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280 + 500 - Quốc lộ 4H)	300	5,5
9	Đường Phan Đình Giót	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 279 + 400 - Quốc lộ 4H)	Trụ sở Công ty TNHH MTV Liên Phương	400	12
10	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (Vị trí vòng xuyên - Khu phố 12)	Giao với đường Nậm Bùm (Trường Mầm non thị trấn)	600	12
II	Đặt tên 15 phố				
1	Phố 25/1	Trụ sở Huyện ủy		200	5,5
2	Phố Ngô Quyền	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 283 + 200 - Quốc lộ 4H)	(Km 00 + 330) (Hết tuyến đường bê tông)	330	5,5
3	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 282 + 900 - Quốc lộ 4H)	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện	300	5,5
4	Phố Đào Trọng Lịch	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 282 + 800 - Quốc lộ 4H)	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	200	4
5	Phố Lý Thường Kiệt	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 282 + 700 - Quốc lộ 4H)	Nhà Văn hóa khu phố 2	200	5,5
6	Phố Phạm Ngũ Lão	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 281 + 200 - Quốc lộ 4H)	Trung tâm Giáo dục thường xuyên (cũ)	300	5



STT	Tên đường, phố,	Giới hạn (lý trình)		Quy mô, quy hoạch	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
7	Phố Lý Tự Trọng	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 282 + 300 - Quốc lộ 4H)	Nhà Văn hóa khu phố 3	200	5
8	Phố Lê Quý Đôn	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 281 + 100 - Quốc lộ 4H)	(Km 00 + 550) (Hết tuyến đường nhựa)	550	7
9	Phố Kim Đồng	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 281 + 500 - Quốc lộ 4H)	Trường Trung học cơ sở thị trấn	200	5
10	Phố Trần Văn Thọ	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 281 + 150 - Quốc lộ 4H)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 281 + 100 - Quốc lộ 4H)	250	5
11	Phố Tôn Thất Tùng	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 279 + 200 - Quốc lộ 4H)	Trung tâm Y tế huyện	250	12
12	Phố Võ Thị Sáu	Nhà Văn hóa khu phố 12	(Km 00+ 350) (Hết tuyến đường nhựa)	350	7
13	Phố Nguyễn Tuân	Giáp với đường Võ Nguyên Giáp (Km 0 + 00)	(Km 00 + 350) (Hết tuyến đường nhựa)	350	7
14	Phố Cù Chính Lan	Giao với đường Lê Đại Hành (Nhà Văn hóa khu phố 11 - Bên trái)	Giao với đường Nậm Bùm (Km 2 + 150)	200	7
15	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Giao với đường Lê Đại Hành (Nhà Văn hóa khu phố 11 - Bên phải)	Giao với đường Nậm Bùm (Điểm cuối của đường Nậm Bùm)	200	7